

UNIT 1

HELLO

LESSON

3

Name:

Class:

Date:

Mark:

01

Listen and number.

Track

03

Linda



A



Peter



B



Minh
Anh



C



Nam



D

Phong



E

1. Hello, I'm Lan.
A. Hello, I'm Nam. B. Hello, I'm Mai. C. Hi, I'm Ngoc.
2. How are you, Mary?
A. Fine, thanks. B. I'm fine, thanks. C. Fine, thank you.
3. Goodbye, Joe.
A. Bye, Jim. B. Bye, Kate. C. Goodbye, Mary.
4. What's your name?
A. My name's An. B. My name's Hoa. C. My name's Trang.
5. How old are you?
A. I'm eight. B. I'm seven. C. I'm nine.

1. You _____ my classmate.
A. am B. is C. are
2. _____ are you, Tom and Long?
A. What B. How C. Why
3. Nice to _____ you, Mr Loc.
A. meet B. need C. sit
4. Hello. I _____ Mary.
A. am B. is C. are
5. _____ is Tom.
A. He B. She C. I
6. Hello. I'm _____.
A. family B. Henry C. house
7. My name is Hong Anh. _____ your name?
A. What B. Whats C. What's

8. Good _____, Mum.
 A. bye-bye B. night C. goodbye
9. Nice to meet you, _____.
 A. very well B. too C. good
10. My name _____ Ha.
 A. am B. is C. are

04

Complete the sentences, using the given words.

Fine Hello Bye How Goodbye

Mai: Hello, I'm Mai.

Quan: (1)_____, Mai. I'm Quan. Nice to meet you.

Miss Hien: (2)_____ are you, Mai?

Mai: I'm fine, thanks. And you?

Miss Hien: Goodbye, class.

Class: (3)_____, Miss Hien.

Quan: Hi, Nam. How are you?

Nam: I'm fine, thanks. And you?

Quan: (4)_____, thank you.

Nam: Bye, Mai.

Mai: (5)_____, Nam.

05

Look at the pictures and write the sentences like the example.

1. Hello. I am Lisa. I'm eight years old.



Lisa - 8 years

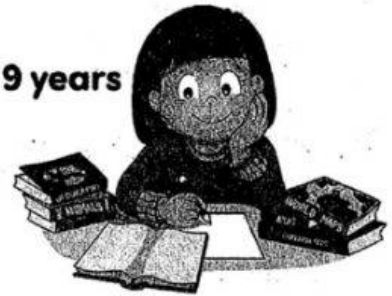
2. _____



John - 7 years

3. _____

Nhung - 9 years

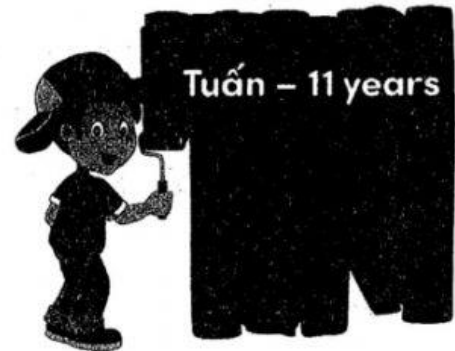


4. _____



Nga - 10 years

5. _____



Tuấn - 11 years

6. _____



Linh - 12 years

1. Để chào hỏi khi gặp một ai đó, em dùng:
A. Goodbye. B. Thank you. C. Bye. D. Hello.
2. Lần đầu gặp mặt, một người bạn chào em: "Nice to meet you". Em sẽ đáp lại như thế nào?
A. Thank you. B. Goodbye.
C. Nice to meet you, too. D. Bye.
3. Khi gặp cô giáo tên Hiền, em sẽ chào cô như thế nào cho lễ phép?
A. Hi, Mr Hien. B. Goodbye, Miss Hien.
C. Bye, Miss Hien. D. Hello, Miss Hien.
4. Để giới thiệu tên của mình, em dùng:
A. Hello. B. Goodbye. C. I am D. Hello, everyone.
5. Để chào ai đó khi lần đầu gặp mặt, em có thể nói:
A. Nice to meet you. B. Thank you.
C. Goodbye. D. Sorry
6. Để tạm biệt ai đó, em có thể nói:
A. Thank you. B. Hello. C. Hi. D. Goodbye.
7. Để hỏi thăm sức khỏe, em nói:
A. Hello. B. Goodbye. C. How are you? D. Thank you.
8. Để đáp lại lời hỏi thăm sức khỏe, em nói:
A. Fine, thanks. B. Good night. C. And you? D. Bye.
9. "Hello" được dùng để:
A. Chào tạm biệt. B. Xin lỗi.
C. Cảm ơn. D. Chào khi gặp gỡ.
10. Câu nào sau đây có nghĩa là "Tôi khỏe. Cảm ơn bạn."?
A. I am Quan. B. How are you?
C. Good night! D. I am fine. Thank you.